- **Thứ Ba, ngày 23 tháng 9 năm 2025.**
- Học bảng chữ cái, cách viết và kỹ thuật.
- website: mazii.vn
- Website của thầy, thầy hướng dẫn cách viết. Tiếng Nhật có 5 nguyên âm. Chữ u trong tiếng nhật đọc là ư.
- wa chỉ có wa, wo, và n.

- kya, kyu và kyo.

- nhật có 3 bảng chữ cái. Học tiếng nhật để đi làm thì cần cả tiếng kanji.

- cần học thuộc. Hội thoại bình thường không cần chữ hán nhiều.

- thêm 2 dấu phẩy ở bên trên, phát âm thành g. k thêm 2 dấu phẩy là g. s thêm 2 dấu phẩy thành z. hai dấu phẩy gọi là tenten. t thêm tenten thì thành d. Chi thành ji. ha thêm tenten thành b. ha thêm dấu tròn là p.
- Viết chữ latin xong nhìn chữ tiếng nhật và viết xuống dưới. Dấu chấm tròn trên đầu đọc thành p.

- Cái chữ ghép, ví dụ như gya thì g viết lớn và ya viết nhỏ hơn, vì đó là âm phụ. Từ cố định trong bảng chữ cái. Katakana có rất nhiều trong từ mượn của tiếng anh.

- Bài 1:
- Bảng từ vựng, phải nhớ được bảng chữ cái.
- Watashi: tôi. Tương tự như tiếng anh,
- Anata: Bạn, người đối diện. Áp dụng với tất cả trường hợp, bố mẹ. Giống I và you.
- Watashitachi: Chúng tôi.
- Anatatachi. Chúng bạn đối diện. Các em.
- Anohito. Nói về người thứ 3 không có trong cuộc trò truyện. = He/she
- Anohitotachi. Những người kia. = they
- Những người cao tuổi, kính trọng, trong một buổi tiệc là anokata.
- Anokata: vị kia. Lịch sự hơn anohito.
- Anokatatachi. Những vị kia, một cách lịch sự.
- wa: là
- watashi wa: Tôi là.
- Minasan: Các quý vị, dùng để chỉ số đông. Đứng trước một đám người, minasan, ohaiyo gozaimasu, một đám đông nhiều.

- San giống như anh, chị. Gọi với tất cả các loại người một cách thân thiện. Bố mẹ thì gọi là ottousan. Mẹ là okasan.
- Gọi âu yếm với con gái là chyan. những bạn nhỏ là con gái khi đứng trước mặt đối diện. cho người lớn tuổi gọi người ít tuổi.Tuyệt đối ko gọi ng lớn tuổi là chyan. phải dùng chữ san.
- Chữ kun để gọi những bé trai ít tuổi hơn.
- jin thuộc một lãnh thổ nào đấy. America jin.
- Betonamu jin/uetonamu jin. Người việt nam.
- Hanoi jin. Người Hà Nội.
- Sensei: Thầy. Không chỉ riêng là thầy. Dịch từ chữ hán sang là tiên sinh. Sen là tiên, sei là sinh. Một bậc chuyên gia, rất giỏi về một lĩnh vực gì đấy.
- Ishya: Bác sỹ. I trong y học, shya là người.
- Saki: trước.
- kyoushi: Giáo viên chỉ trong ngành

- Gakusei: Học sinh.
- Chữ jin đứng một mình sẽ là hito. Nghĩa là người. Chữ nhân.
- Nihongjin. Người Nhật bản.
- Japan.
- BTVN: Nhớ mặt chữ tiếng nhật, cách phát âm, sensei sẽ gõ một từ tiếng nhật theo cái mặt chữ tiếng nhật sau đó yêu cầu mình đọc và giải nghĩa.
- Kaisyain: Nhân viên công ty.
- Kaisya: Công ty.
- In: viên trong từ nhân viên. chỉ chỉ con người thôi.
- Houken kaisyain: Nhân viên công ty bảo hiểm.
- Trong giao tiếp hằng ngày, người ta nói ngắn gọn là syain.
- Ví dụ: Watashi wa Concentrix no kaisyain desu.
- No là của.
- Desu là một dấu chấm, một từ để kết câu.
- Deshita là một kết câu khác, nói về thì quá khứ.
- Ngữ pháp:
- Wa + danh từ + desu: desu là một khẳng định, phán đoán. Nói với bạn bè hoặc cấp dưới thì bỏ desu đi. Nếu không có desu thì sẽ bị xấc xược
- Nói tên vào câu nói thì thêm sensei.
- Watashi wa Minh Anh sensei desu.
- Watashi wa kyoushi desu.
- Câu biểu thị khẳng định.
- Câu phủ định:
- dewa arimasen: không phải là cái gì đấy.
- jya arimasen: không phải là một cái gì đấy.
- S + wa + Danh từ + dewa arimasen.
- Ohayou gozaimasu: Chào buổi sáng.
- Học cách viết.
- BTVN:
-

- **Buổi 2: 30/09/2025**
-

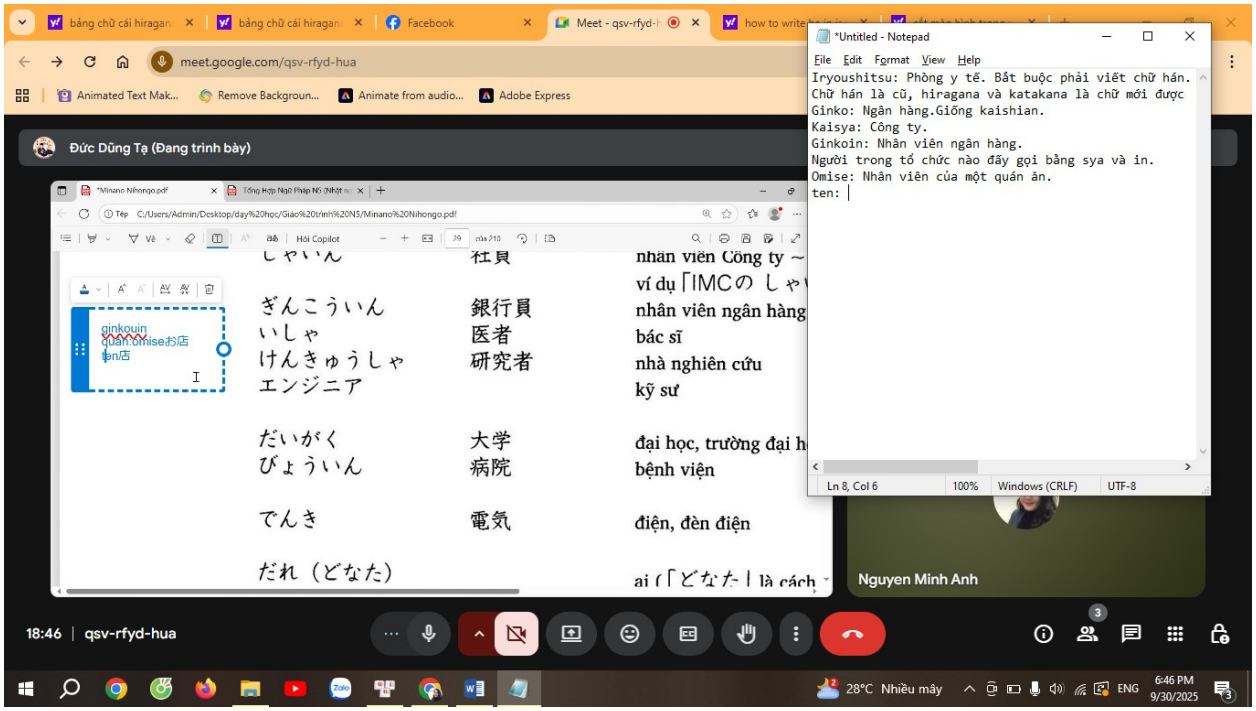
*Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
Iryoushitsu: Phòng y tế. Bắt buộc phải viết chữ hán.
Chữ hán là cũ, hiragana và katakana là chữ mới được
Ginko: Ngân hàng.Giống kaishian.
Kaisya: Công ty.
Ginkouin: Nhân viên ngân hàng.
Người trong tổ chức nào đấy gọi bằng sya và in.
Omise: Nhân viên của một quán ăn.
ten:
Ln 8, Col 6 100% Windows (CRLF) UTF-8
Đức Dũng Tạ (Đang trình bày)
Nguyen Minh Anh
18:46 | qsv-rfyd-hua
28°C Nhiều mây
6:46 PM 9/30/2025
-

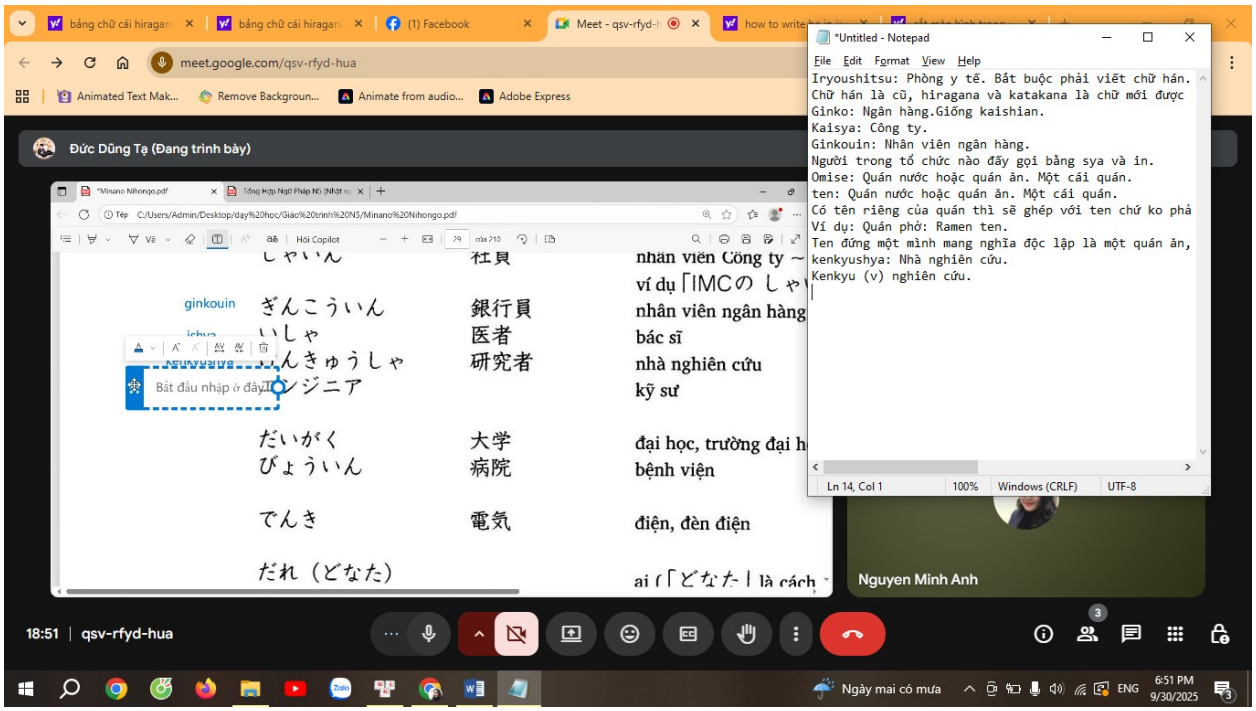
*Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
Iryoushitsu: Phòng y tế. Bắt buộc phải viết chữ hán.
Chữ hán là cũ, hiragana và katakana là chữ mới được
Ginko: Ngân hàng.Giống kaishian.
Kaisya: Công ty.
Ginkouin: Nhân viên ngân hàng.
Người trong tổ chức nào đấy gọi bằng sya và in.
Omise: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
ten: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
Có tên riêng của quán thì sẽ ghép với ten chứ ko phả
Ví dụ: Quán phở: Ramen ten.
Ten đứng một mình mang nghĩa độc lập là một quán ăn,
kenkyushya: Nhà nghiên cứu.
Kenkyu (v) nghiên cứu.
Ln 14, Col 1 100% Windows (CRLF) UTF-8
Đức Dũng Tạ (Đang trình bày)
Nguyen Minh Anh
18:51 | qsv-rfyd-hua
Ngày mai có mưa
6:51 PM 9/30/2025

- 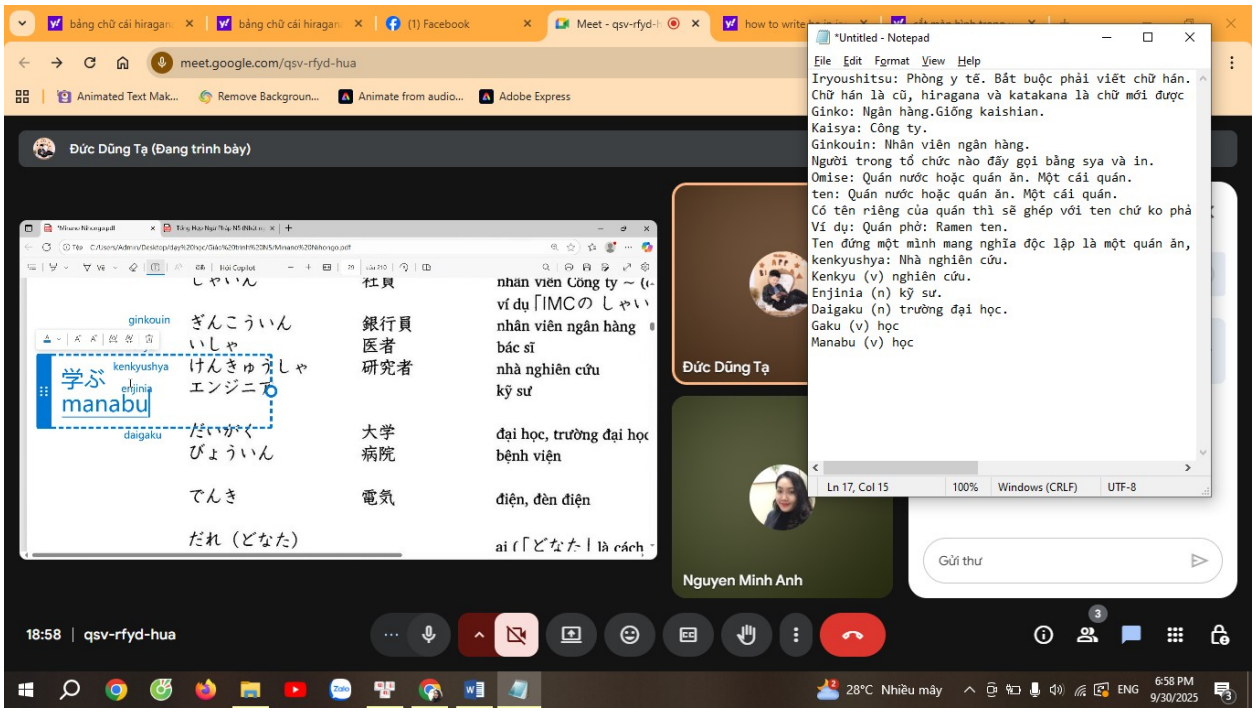
meet.google.com/qsv-rfyd-hua
Đức Dũng Tạ (Đang trình bày)
*Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
Iryoushitsu: Phòng y tế. Bắt buộc phải viết chữ hán.
Chữ hán là cũ, hiragana và katakana là chữ mới được
Ginko: Ngân hàng.Giống kaishian.
Kaisya: Công ty.
Ginkouin: Nhân viên ngân hàng.
Người trong tổ chức nào đấy gọi bằng sya và in.
Omise: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
ten: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
Có tên riêng của quán thì sẽ ghép với ten chứ ko phả
Ví dụ: Quán phở: Ramen ten.
Ten đứng một mình mang nghĩa độc lập là một quán ăn,
kenkyushya: Nhà nghiên cứu.
Kenkyu (v) nghiên cứu.
Enjinia (n) kỹ sư.
Daigaku (n) trường đại học.
Gaku (v) học
Manabu (v) học
Ln 17, Col 15
100%
Windows (CRLF)
UTF-8
ginkouin ぎんこういん 銀行員 nhân viên ngân hàng
ishya いしゃ 医者 bác sĩ
kenkyushya けんきゅうしゃ 研究者 nhà nghiên cứu
enjinia エンジニア kỹ sư
daigaku だいがく 大学 đại học, trường đại học
びょういん 病院 bệnh viện
でんき 電気 điện, đèn điện
だれ（どなた） ai (「どなた」 là cách
学ぶ manabu
Đức Dũng Tạ
Nguyen Minh Anh
Gửi thư
18:58 | qsv-rfyd-hua
28°C Nhiều mây
ENG
6:58 PM
9/30/2025
- 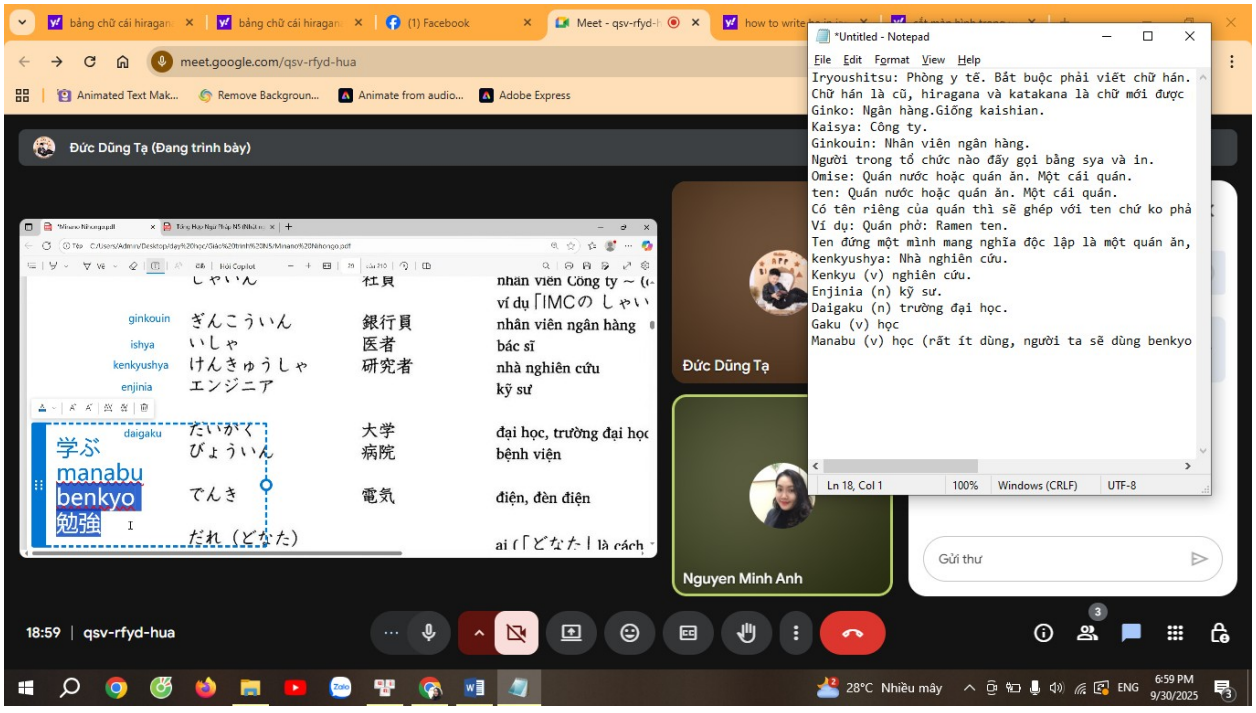
meet.google.com/qsv-rfyd-hua
Đức Dũng Tạ (Đang trình bày)
*Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
Iryoushitsu: Phòng y tế. Bắt buộc phải viết chữ hán.
Chữ hán là cũ, hiragana và katakana là chữ mới được
Ginko: Ngân hàng.Giống kaishian.
Kaisya: Công ty.
Ginkouin: Nhân viên ngân hàng.
Người trong tổ chức nào đấy gọi bằng sya và in.
Omise: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
ten: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
Có tên riêng của quán thì sẽ ghép với ten chứ ko phả
Ví dụ: Quán phở: Ramen ten.
Ten đứng một mình mang nghĩa độc lập là một quán ăn,
kenkyushya: Nhà nghiên cứu.
Kenkyu (v) nghiên cứu.
Enjinia (n) kỹ sư.
Daigaku (n) trường đại học.
Gaku (v) học
Manabu (v) học (rất ít dùng, người ta sẽ dùng benkyo
Ln 18, Col 1
100%
Windows (CRLF)
UTF-8
ginkouin ぎんこういん 銀行員 nhân viên ngân hàng
ishya いしゃ 医者 bác sĩ
kenkyushya けんきゅうしゃ 研究者 nhà nghiên cứu
enjinia エンジニア kỹ sư
daigaku だいがく 大学 đại học, trường đại học
びょういん 病院 bệnh viện
でんき 電気 điện, đèn điện
だれ（どなた） ai (「どなた」 là cách
学ぶ manabu
benkyo 勉強
Đức Dũng Tạ
Nguyen Minh Anh
Gửi thư
18:59 | qsv-rfyd-hua
28°C Nhiều mây
ENG
6:59 PM
9/30/2025

- 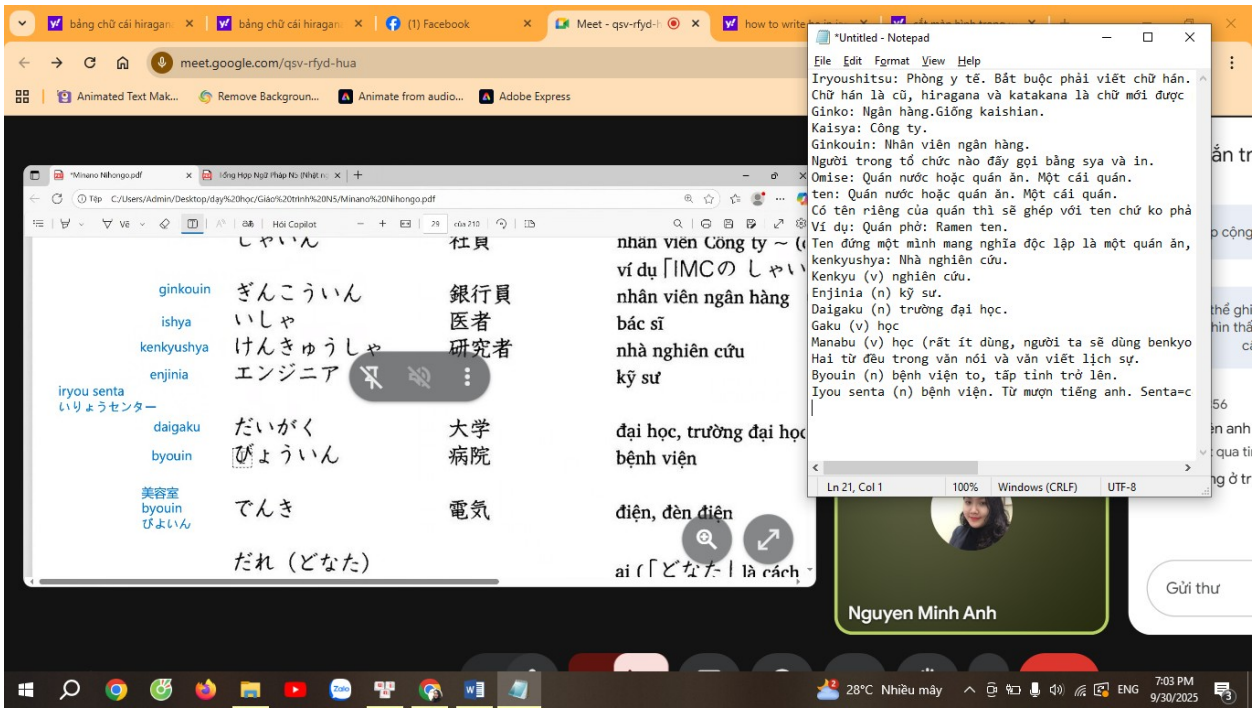
*Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
Iryoushitsu: Phòng y tế. Bắt buộc phải viết chữ hán.
Chữ hán là cũ, hiragana và katakana là chữ mới được
Ginko: Ngân hàng.Giống kaishian.
Kaisya: Công ty.
Ginkouin: Nhân viên ngân hàng.
Người trong tổ chức nào đấy gọi bằng sya và in.
Omise: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
ten: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
Có tên riêng của quán thì sẽ ghép với ten chứ ko phả
Ví dụ: Quán phở: Ramen ten.
Ten đứng một mình mang nghĩa độc lập là một quán ăn,
kenkyushya: Nhà nghiên cứu.
Kenkyu (v) nghiên cứu.
Enjinia (n) kỹ sư.
Daigaku (n) trường đại học.
Gaku (v) học
Manabu (v) học (rất ít dùng, người ta sẽ dùng benkyo
Hai từ đều trong văn nói và văn viết lịch sự.
Byouin (n) bệnh viện to, tấp tình trở lên.
Iyou senta (n) bệnh viện. Từ mượn tiếng anh. Senta=c
Ln 21, Col 1
100%
Windows (CRLF)
UTF-8
ginkouin ぎんこういん 銀行員 nhân viên ngân hàng
ishya いしゃ 医者 bác sĩ
kenkyushya けんきゅうしゃ 研究者 nhà nghiên cứu
enjinia エンジニア kỹ sư
iryou senta いりょうセンター
daigaku だいがく 大学 đại học, trường đại học
byouin びょういん 病院 bệnh viện
でんき 電気 điện, đèn điện
だれ（どなた） ai (「どなた」là cách
Nguyen Minh Anh
Gửi thư
28°C Nhiều mây
ENG
7:03 PM
9/30/2025
- 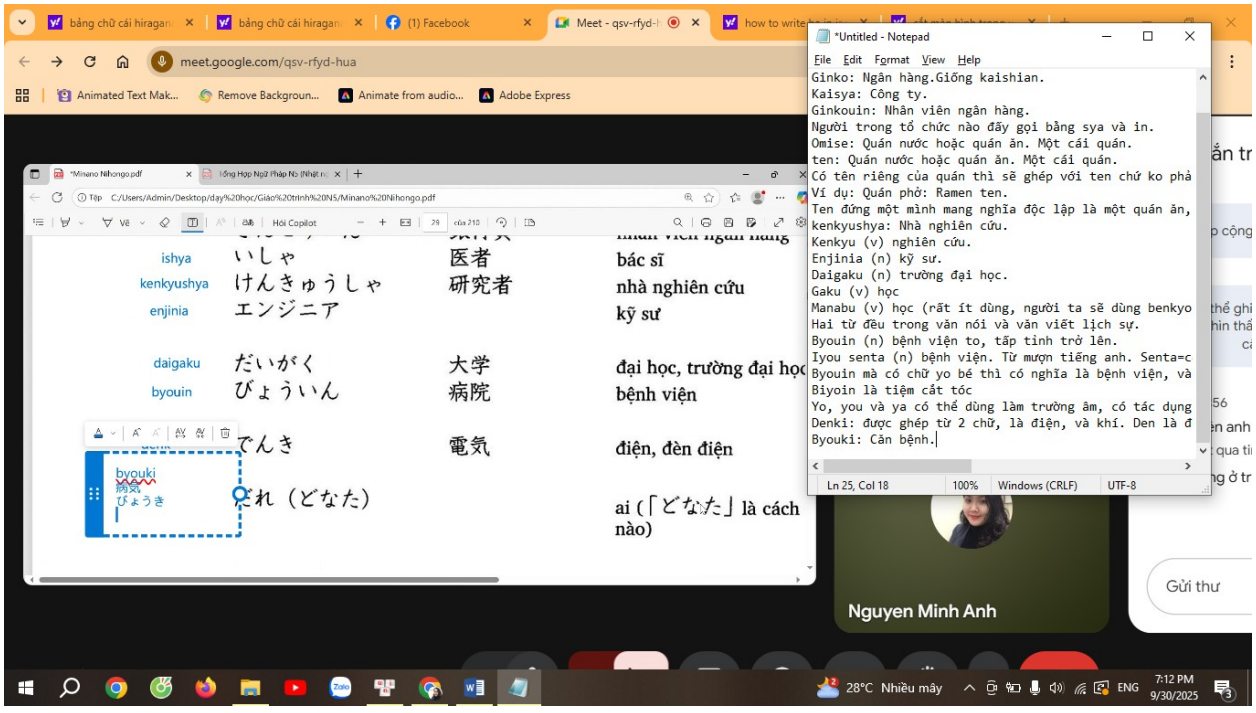
*Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
Ginko: Ngân hàng.Giống kaishian.
Kaisya: Công ty.
Ginkouin: Nhân viên ngân hàng.
Người trong tổ chức nào đấy gọi bằng sya và in.
Omise: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
ten: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
Có tên riêng của quán thì sẽ ghép với ten chứ ko phả
Ví dụ: Quán phở: Ramen ten.
Ten đứng một mình mang nghĩa độc lập là một quán ăn,
kenkyushya: Nhà nghiên cứu.
Kenkyu (v) nghiên cứu.
Enjinia (n) kỹ sư.
Daigaku (n) trường đại học.
Gaku (v) học
Manabu (v) học (rất ít dùng, người ta sẽ dùng benkyo
Hai từ đều trong văn nói và văn viết lịch sự.
Byouin (n) bệnh viện to, tấp tình trở lên.
Iyou senta (n) bệnh viện. Từ mượn tiếng anh. Senta=c
Byouin mà có chữ yo bé thì có nghĩa là bệnh viện, và
Biyoin là tiệm cắt tóc
Yo, you và ya có thể dùng làm trường âm, có tác dụng
Denki: được ghép từ 2 chữ, là điện, và khí. Den là đ
Byouki: Căn bệnh.
Ln 25, Col 18
100%
Windows (CRLF)
UTF-8
ishya いしゃ 医者 bác sĩ
kenkyushya けんきゅうしゃ 研究者 nhà nghiên cứu
enjinia エンジニア kỹ sư
daigaku だいがく 大学 đại học, trường đại học
byouin びょういん 病院 bệnh viện
でんき 電気 điện, đèn điện
byouki 病気 びょうき
だれ（どなた） ai (「どなた」là cách nào)
Nguyen Minh Anh
Gửi thư
28°C Nhiều mây
ENG
7:12 PM
9/30/2025

- 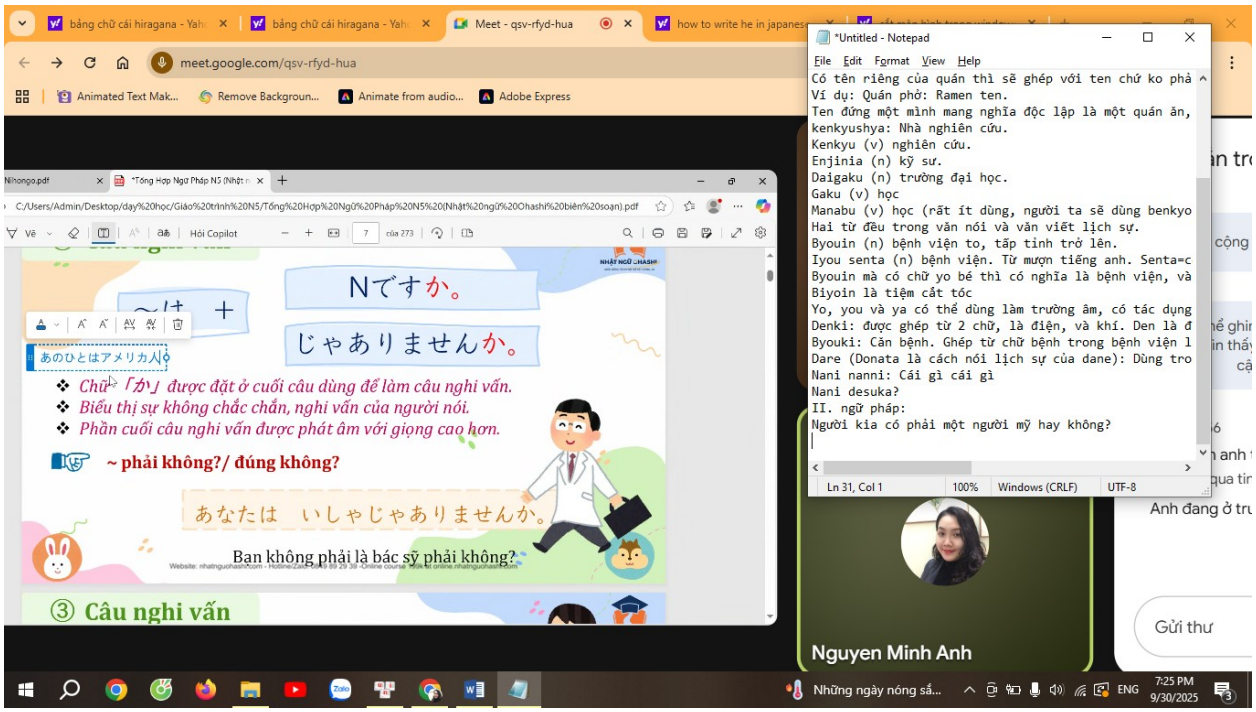
Meet - qsv-rfyd-hua
meet.google.com/qsv-rfyd-hua
*Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
Có tên riêng của quán thì sẽ ghép với ten chứ ko phả
Ví dụ: Quán phở: Ramen ten.
Ten đứng một mình mang nghĩa độc lập là một quán ăn,
kenkyushya: Nhà nghiên cứu.
Kenkyu (v) nghiên cứu.
Enjinia (n) kỹ sư.
Daigaku (n) trường đại học.
Gaku (v) học
Manabu (v) học (rất ít dùng, người ta sẽ dùng benkyo
Hai từ đều trong văn nói và văn viết lịch sự.
Byouin (n) bệnh viện to, tập tính trở lên.
Iyou senta (n) bệnh viện. Từ mượn tiếng anh. Senta=c
Byouin mà có chữ yo bé thì có nghĩa là bệnh viện, và
Biyoin là tiệm cắt tóc
Yo, you và ya có thể dùng làm trường âm, có tác dụng
Denki: được ghép từ 2 chữ, là điện, và khí. Den là đ
Byouki: Căn bệnh. Ghép từ chữ bệnh trong bệnh viện l
Dare (Donata là cách nói lịch sự của dane): Dùng tro
Nani nanni: Cái gì cái gì
Nani desuka?
II. ngữ pháp:
Người kia có phải một người mỹ hay không?
Ln 31, Col 1
100%
Windows (CRLF)
UTF-8
Nですか。
じゃありませんか。
あのひとはアメリカ人
Chú「か」được đặt ở cuối câu dùng để làm câu nghi vấn.
Biểu thị sự không chắc chắn, nghi vấn của người nói.
Phần cuối câu nghi vấn được phát âm với giọng cao hơn.
~ phải không?/ đúng không?
あなたは いしゃじゃありませんか。
Bạn không phải là bác sỹ phải không?
③ Câu nghi vấn
Nguyen Minh Anh
Gửi thư
Những ngày nóng sắ...
ENG
7:25 PM
9/30/2025
- 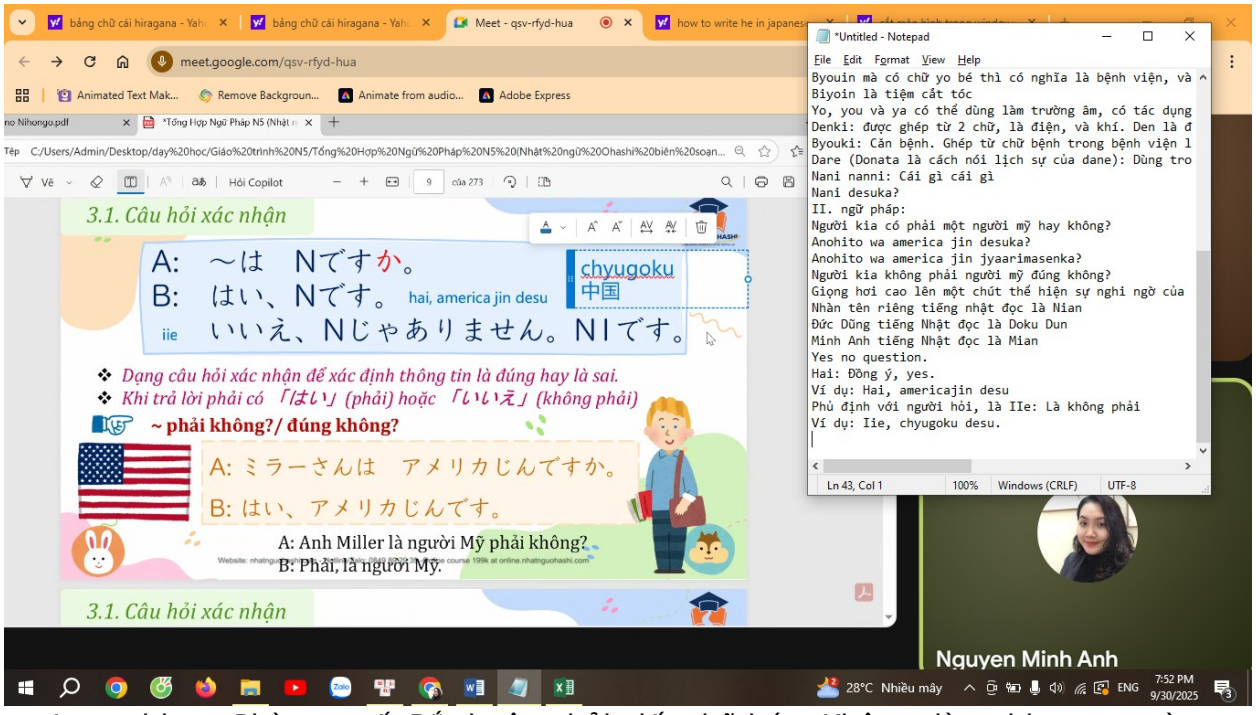
Meet - qsv-rfyd-hua
meet.google.com/qsv-rfyd-hua
*Untitled - Notepad
File Edit Format View Help
Byouin mà có chữ yo bé thì có nghĩa là bệnh viện, và
Biyoin là tiệm cắt tóc
Yo, you và ya có thể dùng làm trường âm, có tác dụng
Denki: được ghép từ 2 chữ, là điện, và khí. Den là đ
Byouki: Căn bệnh. Ghép từ chữ bệnh trong bệnh viện l
Dare (Donata là cách nói lịch sự của dane): Dùng tro
Nani nanni: Cái gì cái gì
Nani desuka?
II. ngữ pháp:
Người kia có phải một người mỹ hay không?
Anohito wa america jin desuka?
Anohito wa america jin jyaarimasenka?
Người kia không phải người mỹ đúng không?
Giọng hơi cao lên một chút thể hiện sự nghi ngờ của
Nhàn tên riêng tiếng nhật đọc là Nian
Đức Dũng tiếng Nhật đọc là Doku Dun
Minh Anh tiếng Nhật đọc là Mian
Yes no question.
Hai: Đồng ý, yes.
Ví dụ: Hai, americajin desu
Phủ định với người hỏi, là IIe: Là không phải
Ví dụ: Iie, chyugoku desu.
Ln 43, Col 1
100%
Windows (CRLF)
UTF-8
3.1. Câu hỏi xác nhận
A: ～は Nですか。
B: はい、Nです。 hai, america jin desu
いいえ、Nじゃありません。NIです。 iie
chyugoku 中国
Dạng câu hỏi xác nhận để xác định thông tin là đúng hay là sai.
Khi trả lời phải có 「はい」(phải) hoặc 「いいえ」(không phải)
~ phải không?/ đúng không?
A: ミラーさんは アメリカじんですか。
B: はい、アメリカじんです。
A: Anh Miller là người Mỹ phải không?
B: Phải, là người Mỹ.
3.1. Câu hỏi xác nhận
Nguyen Minh Anh
28°C Nhiều mây
ENG
7:52 PM
9/30/2025
- Iryoushitsu: Phòng y tế. Bắt buộc phải viết chữ hán. Không dùng hiragana và katakana. Trừ khi viết trong trường mầm non.
- Chữ hán là cũ, hiragana và katakana là chữ mới được phát triển.

- Ginko: Ngân hàng.Giống kaishian.
- Kaisya: Công ty.
- Ginkouin: Nhân viên ngân hàng.
- Người trong tổ chức nào đấy gọi bằng sya và in.
- Omise: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
- ten: Quán nước hoặc quán ăn. Một cái quán.
- Có tên riêng của quán thì sẽ ghép với ten chứ ko phải omise.
- Ví dụ: Quán phở: Ramen ten.
- Ten đứng một mình mang nghĩa độc lập là một quán ăn, ghép với một chữ khác có ý nghĩa thành quán ăn gì đấy.
- kenkyushya: Nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh.
- Kenkyu (v) nghiên cứu.
- Enjinia (n) kỹ sư.
- Daigaku (n) trường đại học.
- Gaku (v) học
- Manabu (v) học (rất ít dùng, người ta sẽ dùng benkyo: học)
- Hai từ đều trong văn nói và văn viết lịch sự.
- Byouin (n) bệnh viện to, tấp tỉnh trở lên.
- Iyou senta (n) bệnh viện. Từ mượn tiếng anh. Senta=center. Trung tâm y tế.
- Byouin mà có chữ yo bé thì có nghĩa là bệnh viện, và có chữ u (biyouin)
- Biyoin là tiệm cắt tóc
- Yo, you và ya có thể dùng làm trường âm, có tác dụng làm mềm phụ âm trước đó. Làm thay đổi ý nghĩa của cái từ phát âm ra đó.
- Denki: được ghép từ 2 chữ, là điện, và khí. Den là điện, ki là khí.
- Byouki: Căn bệnh. Ghép từ chữ bệnh trong bệnh viện là byou, ki là trong chữ khí.
- Dare (Donata là cách nói lịch sự của dane): Dùng trong một câu hỏi, là ai, who?
- Nani nanni: Cái gì cái gì
- Nani desuka?
- ngữ pháp:
- Người kia có phải một người mỹ hay không?
- Anohito wa america jin desuka?
- Anohito wa america jin jyaarimasenka?
- Người kia không phải người mỹ đúng không?
- Giọng hơi cao lên một chút thể hiện sự nghi ngờ của người nói.
- Nhàn tên riêng tiếng nhật đọc là Nian
- Đức Dũng tiếng Nhật đọc là Doku Dun
- Minh Anh tiếng Nhật đọc là Mian
- Yes no question.
- Hai: Đồng ý, yes.
- Ví dụ: Hai, americajin desu
- Phủ định với người hỏi, là Iie: Là không phải
- Ví dụ: Iie, chyugoku desu.
- Mina no Nihongo: Tiếng Nhật dành cho mọi người.
- Nani nani + wa + N + desuka?

- Ka đặt cuối câu thể hiện sự nghi vấn và không chắc chắn, k đọc hơi cao lên, thánh thót.
- BTVN: Từ watashi đến dare. Tối thứ 6. 4 mẫu câu ngữ pháp. Bao gồm desu. Thứ 3 là câu nghi vấn.
- Mỗi câu viết 5 câu, mấy câu đã học. Viết bằng máy tính, đặt câu mới cho anh 3 câu khẳng định, 3 câu phủ định, 3 câu nghi vấn. Mỗi 3 câu nghi vấn, trả lời theo 2 hướng, đồng tình và không đồng tình.
- Nếu đặt được, không cần học trên cấu trúc câu. Tự nghĩ câu.
-

- **Buổi 3 04 Oct 2025**

- Nasu: Y tá/ Cà tím
- Sai: tuổi.
- Ví dụ: Nansai desuka? -> Bao nhiêu tuổi.
- Oikutsu desuka? -> Bao nhiêu tuổi, hỏi theo cách lịch sự. -> Nếu không dùng trong trường hợp sách tài liệu, thường viết bằng chữ hiragana. Sách, tài liệu sẽ dùng chữ Hán. Mới học chỉ cần nhận mặt chữ, chưa cần nhớ mặt chữ.
- Shitsurei desuga. -> Mở đầu khi muốn nhờ người khác, hay xin lỗi người khác do mình làm phiền người ta.
- Shit -> Thất. Su -> lễ. Shitssu -> thất lễ.
- Shitsureishimasu -> Muốn xin phép rút lui, tách đoàn, đi ra khỏi một tổ chức. Động từ của Shitsurei desuga. Cho tôi được phép làm gì đấy. Khi gọi điện, cúp máy trước thì sẽ nói Shitsureishimasu. Để chốt câu. Chào xin phép về trước.
- Osakini Shitsureishimasu. -> Xin phép về trước. Shi đọc như chữ x của Việt Nam.
- Chữ su ở cuối đọc giống chữ x Việt Nam đọc dài ra.
- O namae wa? -> Tên bạn là gì? O là kính ngữ, để nói một cách trang trọng với người lớn.

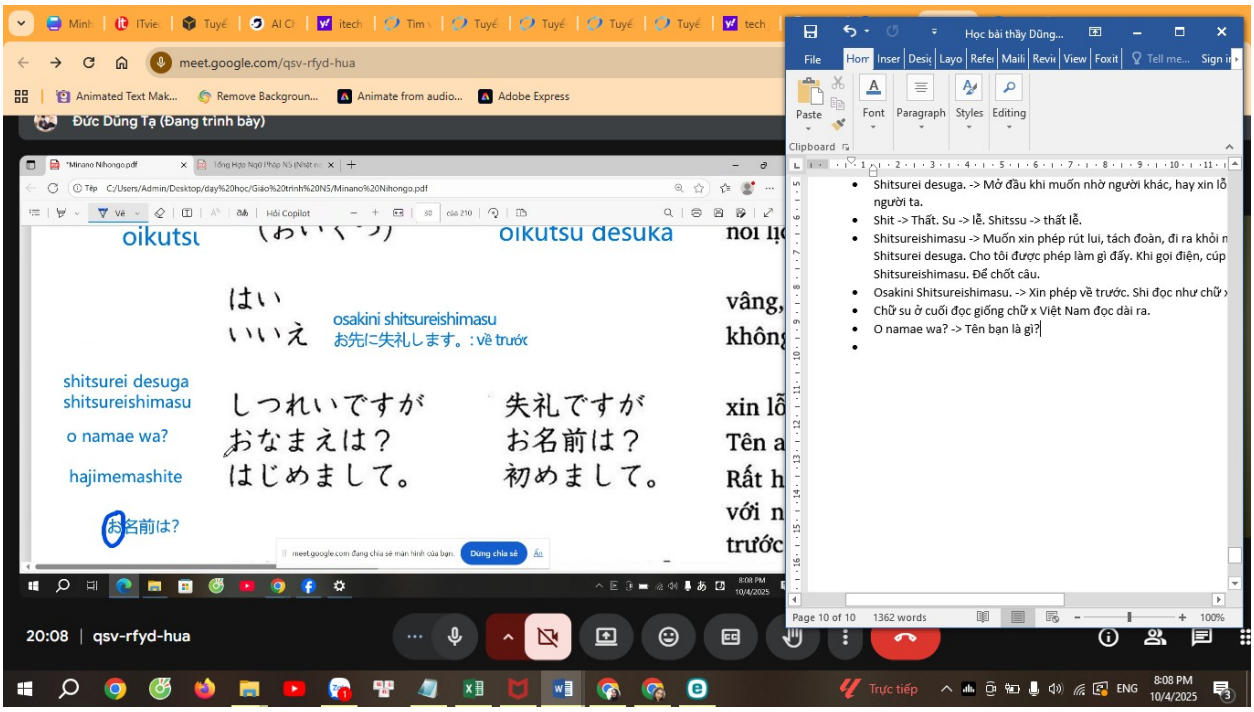
meet.google.com/qsv-rfyd-hua
Đức Dũng Tạ (Đang trình bày)
oikutsu
oikutsu desuka
はい
いいえ
osakini shitsureishimasu
お先に失礼します。: Về trước
shitsurei desuga
shitsureishimasu
o namae wa?
hajimemashite
しつれいですが
おなまえは？
はじめまして。
失礼ですが
お名前は？
初めまして。
お名前は?
Học bài thầy Dũng...
Shitsurei desuga. -> Mở đầu khi muốn nhờ người khác, hay xin lỗi người ta.
Shit -> Thất. Su -> lễ. Shitssu -> thất lễ.
Shitsureishimasu -> Muốn xin phép rút lui, tách đoàn, đi ra khỏi n
Shitsurei desuga. Cho tôi được phép làm gì đấy. Khi gọi điện, cúp
Shitsureishimasu. Để chốt câu.
Osakini Shitsureishimasu. -> Xin phép về trước. Shi đọc như chữ
Chữ su ở cuối đọc giống chữ x Việt Nam đọc dài ra.
O namae wa? -> Tên bạn là gì?
Page 10 of 10
1362 words
20:08 | qsv-rfyd-hua

- Kakunin: Xác nhận. Ví dụ: Mong cấp trên xác nhận cho tôi cái thông tin hoặc báo cáo này.
- Ví dụ: Go kakunin: Go dùng để đứng trước động từ, để tỏ ý kính trọng, lịch sự.
- Tương tự, từ O đứng trước danh từ để cho lịch sự.

- Hajimemashite? -> Xin chào với một người lạ. Dịch chay ra là Hajime có nghĩa là bắt đầu. Dùng để chào một người lần đầu tiên gặp mặt. Mostly people will use ohayo và konnichiwa. Ohayo chào buổi sáng. Konnichiya chào buổi chiều.
- Ohayo: Chữ ha nghĩa là nhanh, buổi sớm. Sơm nhỉ.
- Mấy cái chữ ở giữa của các chữ Ohayo, Konbanwa và Konnichiwa là các chữ ở giữa có nghĩa là sáng, chiều, tối.
- Nếu công việc bắt đầu từ 8 giờ, ngta chào bằng Ohayo. Còn sau khi đi làm 1-2 tiếng thì sẽ chào là konnichiwa. Konbanwa chào buổi tối, từ 8 giờ tối trở đi.
- Khi đi về, người ta chào như thế này: Otsukare sama desu/deshita. Kiểu cảm ơn người ta đã làm cho mình một cái báo cáo.
- Otsukaresamadesu desu hoặc là otsukaresama deshita (thể quá khứ). Đáp lại lời của người về trước.
- Ví dụ: Hai người ngồi cạnh nhau, nhờ người ta lấy hộ cái bút: Douzo yoroshiku onegaishimasu. Xin vui lòng làm cho cái việc này được tốt nhé. Bạn vui lòng làm.
- Douzo Haitekurasai. Xin mời vào.
- Kore: cái này (ở gần người nói). Số ít hay số nhiều đều dùng. Chỉ ám chỉ khoảng cách. Thể lịch sự là kochira.
- Sore: cái đó (gần người nghe). Số ít hay số nhiều đều dùng. Chỉ ám chỉ khoảng cách. Thể lịch sự là Sochira.
- Are: cái kia (xa cả người nói và người nghe.). Số ít hay số nhiều đều dùng. Không chia. Thể lịch sự là Achira.

⇨ 3 từ trên dùng để giới thiệu ai đó. Kore, Sore, Are.

- America jin là người mỹ, america go là tiếng mỹ. Go là ngôn ngữ, là tiếng.
- Tiếng Anh là Igirisu.
- Người anh là Igirisujin. Tiếng Anh là Eigo.
- Ấn độ là Indojin là người ấn độ, Indogo: tiếng ấn độ.
- Indonesia giữ nguyên. Giữ nguyên từ Tiếng Anh ra. Các pháp sư Nhật Bản copy không lệch một chữ nào. Indonesiajin và Indonesiago.
- Kankokujin / kankokugo. Hàn Quốc.
- Thaijin/thaigo. Người thái và tiếng thái.
- Doitsu. Nước Đức. Doitsujin: Người Đức. Doitsugo: Tiếng Đức.
- Nihonjin: Người Nhật, tiếng Nhật
- Furansu. Nước Pháp.
- Burajiru: Brazil.
- Kết âm bằng chữ r thì nó hay thêm thành ru.
- Pawa-deki: = power.
- Fuji san: Tên gọi đỉnh núi Phú Sỹ. San là cách nói lịch sự và tôn trọng với ngọn núi Phú Sỹ. Người ta coi như một con người, một biểu tượng anh hùng. Viết là Fuji yama nhưng viết là Fuji san. Yama là núi.
- Kobe
- Ngữ pháp: Học câu hỏi với nghi vấn từ. Ai, ở đâu, cái gì, như thế nào. What, where, when, như thế nào. Doko: ở đâu? Nandesuka? Cái gì? Daredesuka? Ai đấy? Dokodesuka? Ở đâu? Itsukesuka? Khi nào?